CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam

Ngày 30/09/2025	7,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.4%	**-9.9%**	**-**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,100 - 15,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30
Số lượng CPLH (CP)	4,103,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,530
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.14
EPS	62
P/E	116.9

DT thuần
Q3/25
2.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.57| 857%
YoY: ▼11.2| -83.2%

LN thuần
Q3/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.06| -53.0%
YoY: ▲ 0.07| 359%

LN sau thuế
Q3/25
0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.05| -67.3%
YoY: ▲ 0.01| 30.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
6.3%
YoY: +/-▲ 68.6%

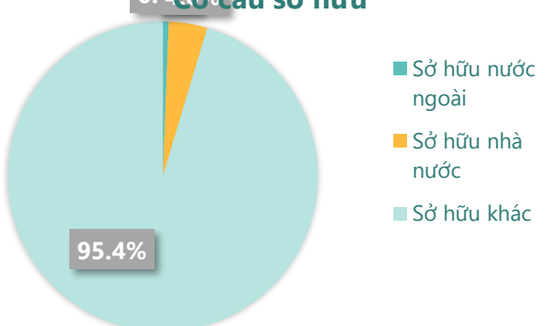
ROE (TTM)
Q3/25
0.5%
YoY: +/-▲ 0.0%

DT thuần
9T 2025
15.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.5| -68.8%

LN thuần
9T 2025
0.23
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.42| 217%

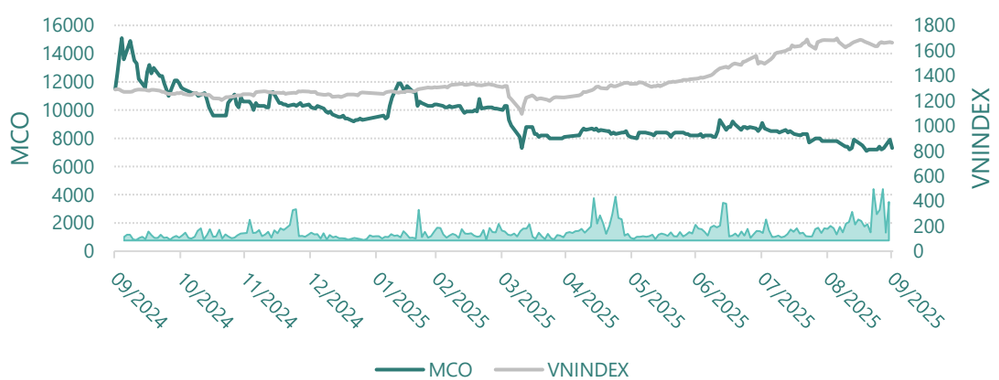
LN sau thuế
9T 2025
0.13
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.03| 32.4%

Cơ cấu sở hữu

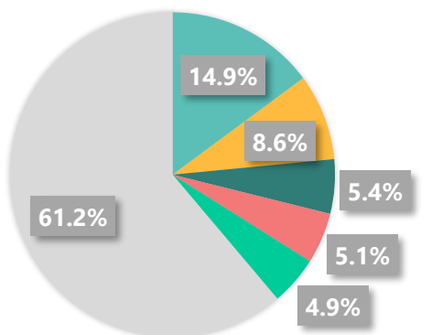


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



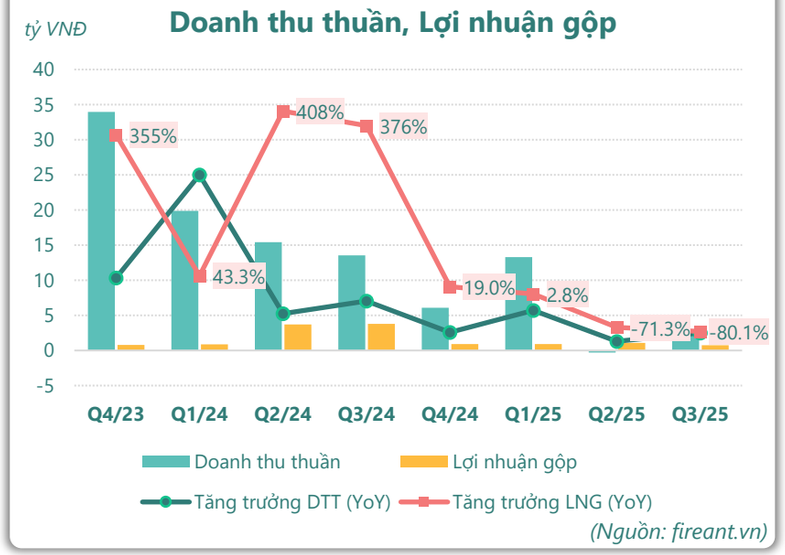
Cơ cấu cổ đông



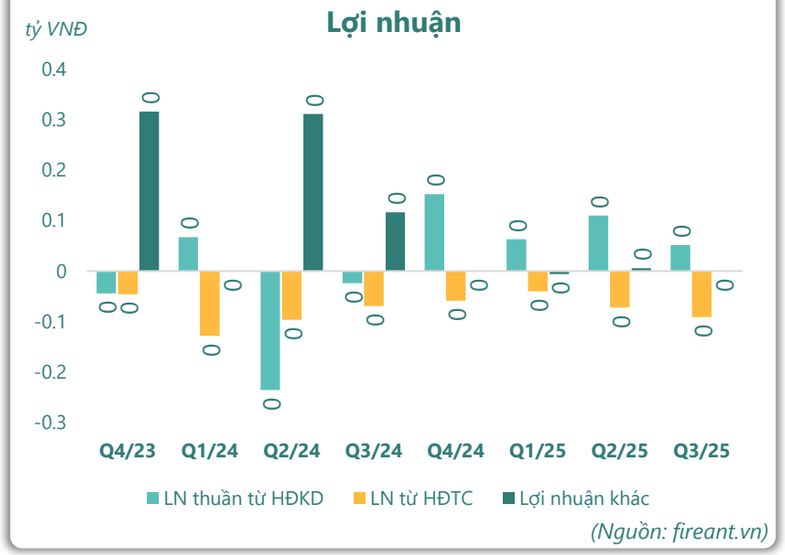
- Trần Thị Hồng Thái
- Nguyễn Đình Hùng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Quốc Tú (Chủ tịch HĐQT)
- Vũ Khánh Hòa
- Lê Thị Tú Hạnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

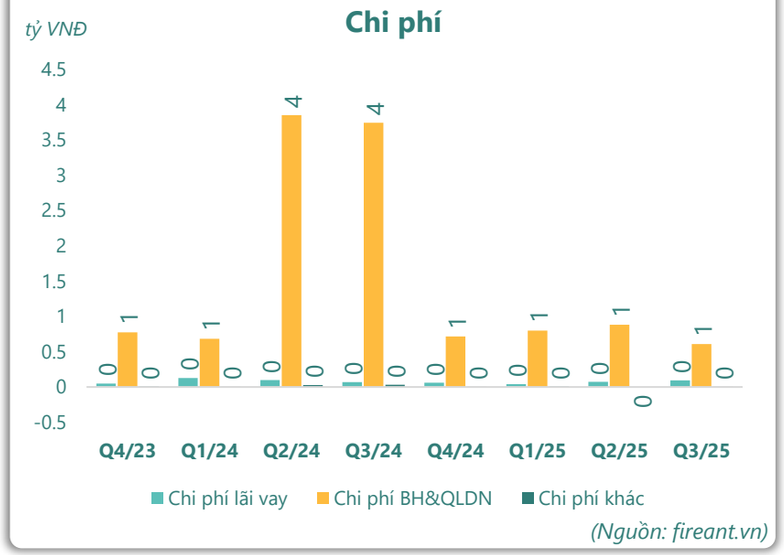
KẾT QUẢ KINH DOANH



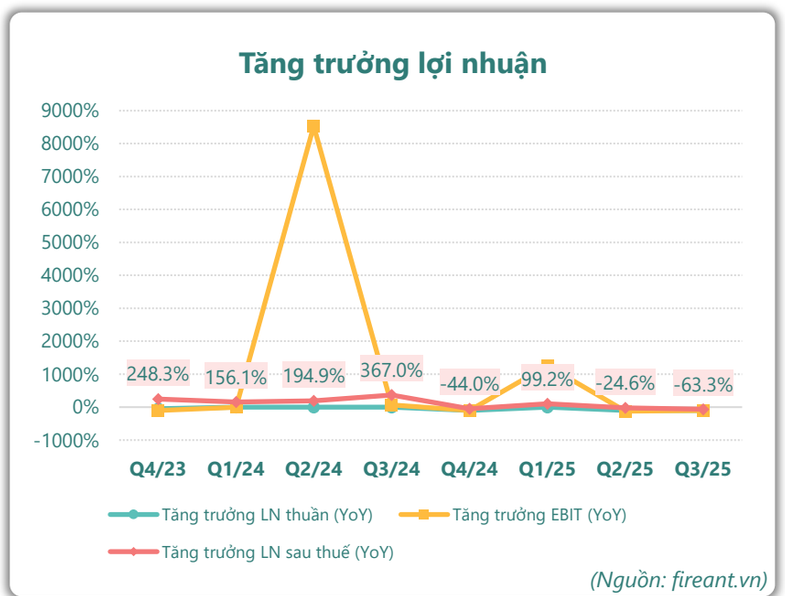
(Nguồn: fireant.vn)



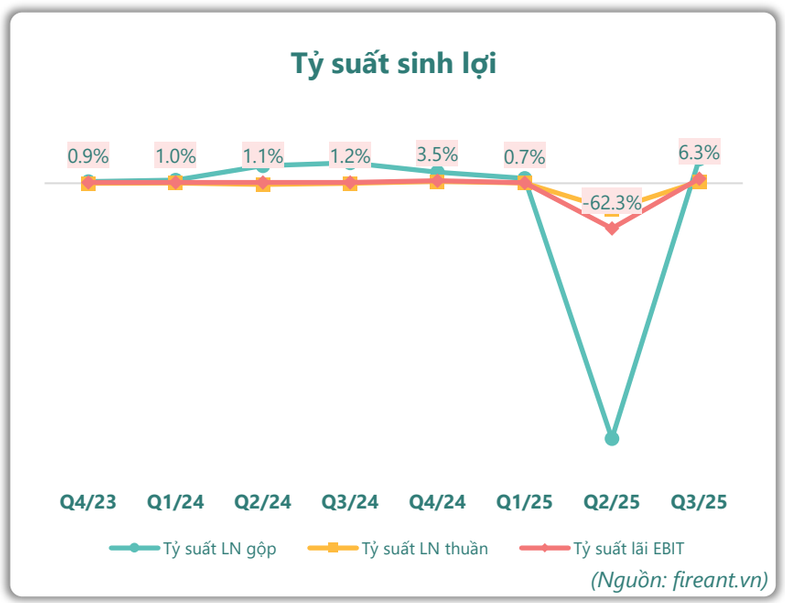
(Nguồn: fireant.vn)



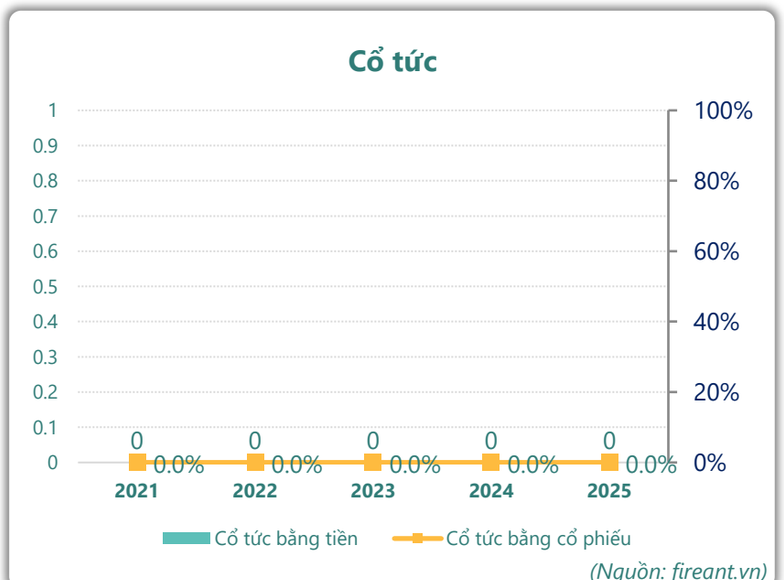
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



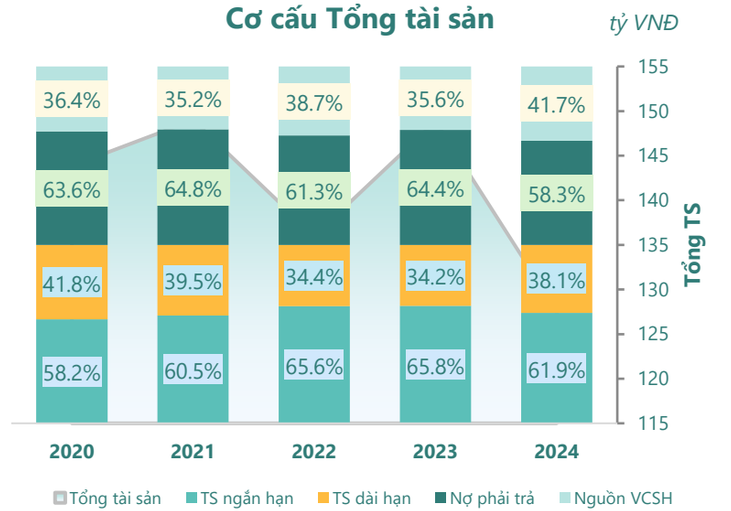
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

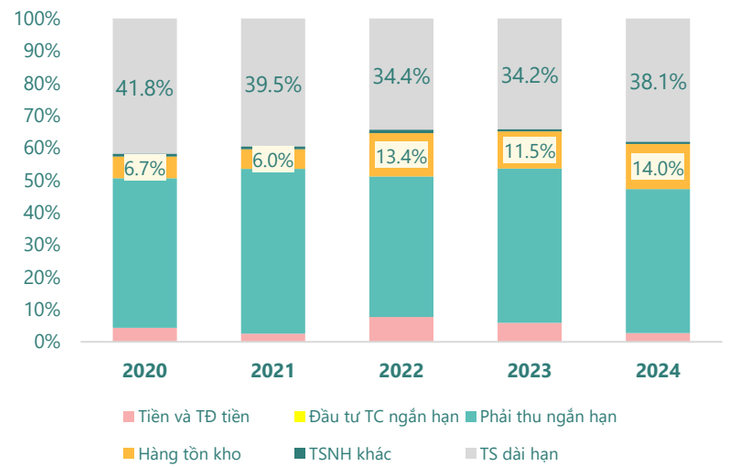
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



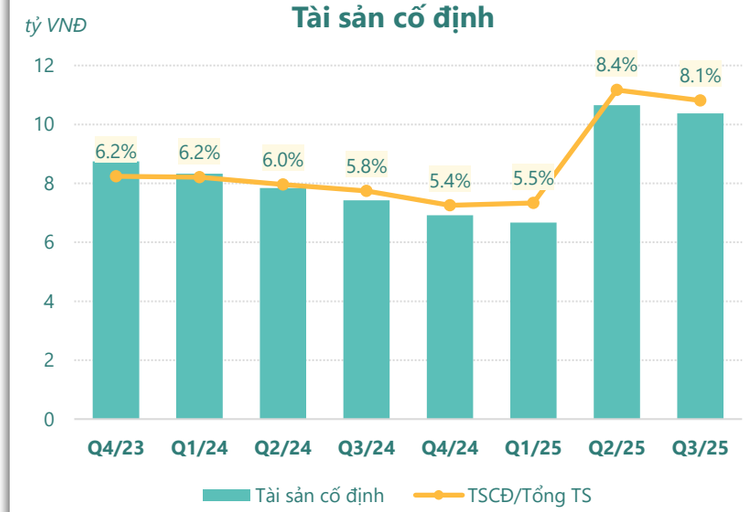
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



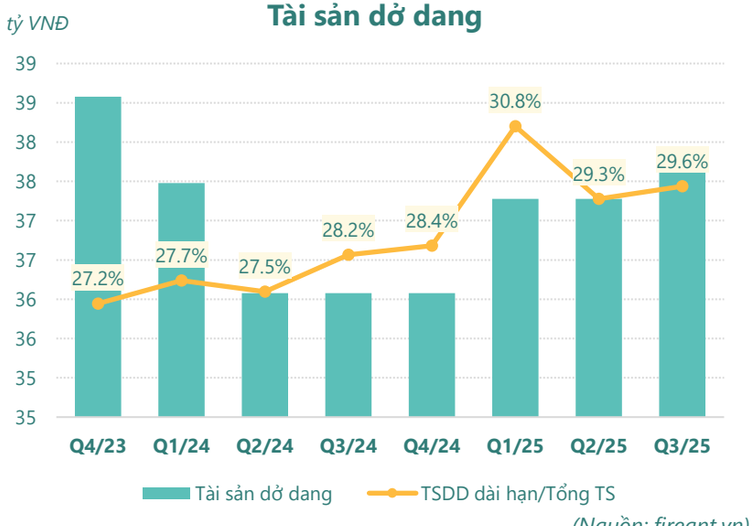
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



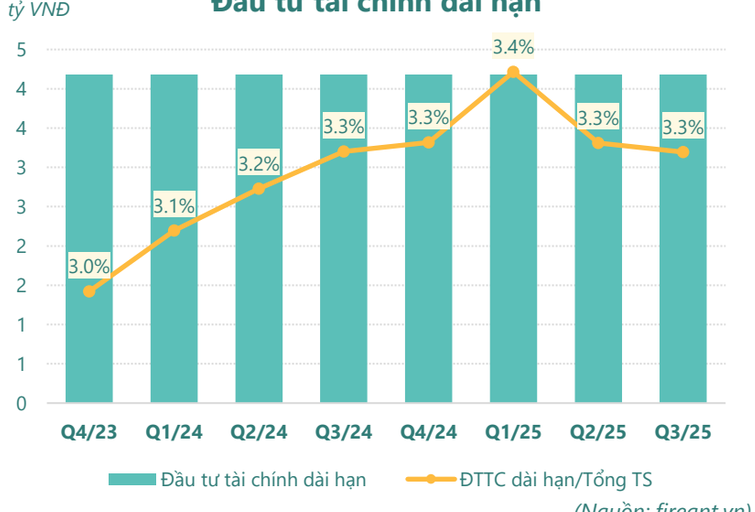
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



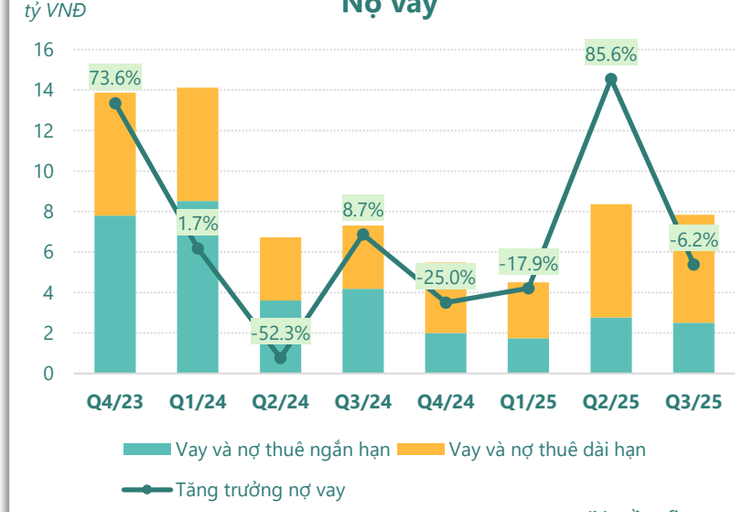
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

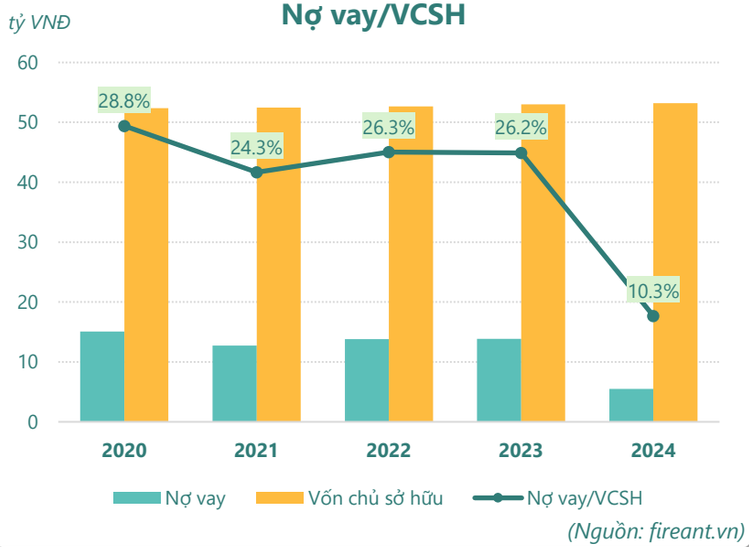
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

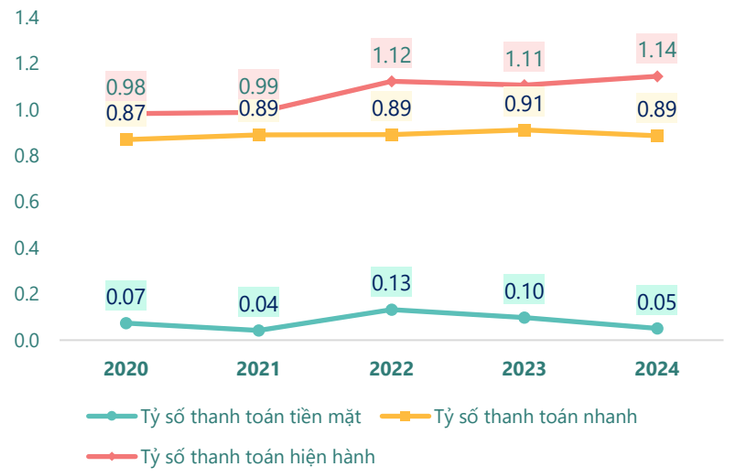
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



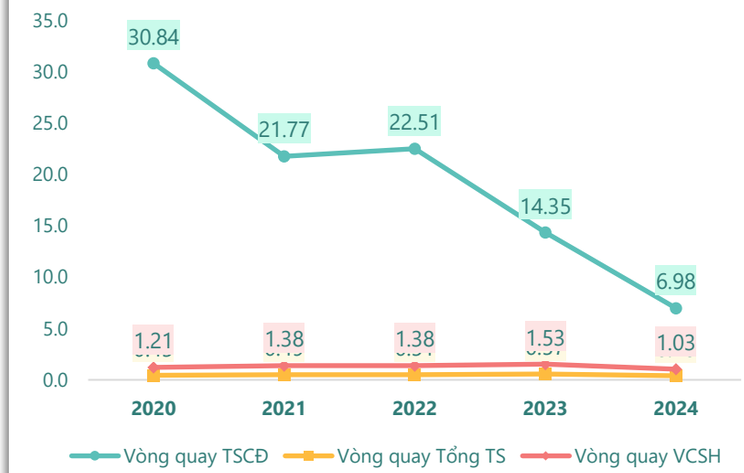
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



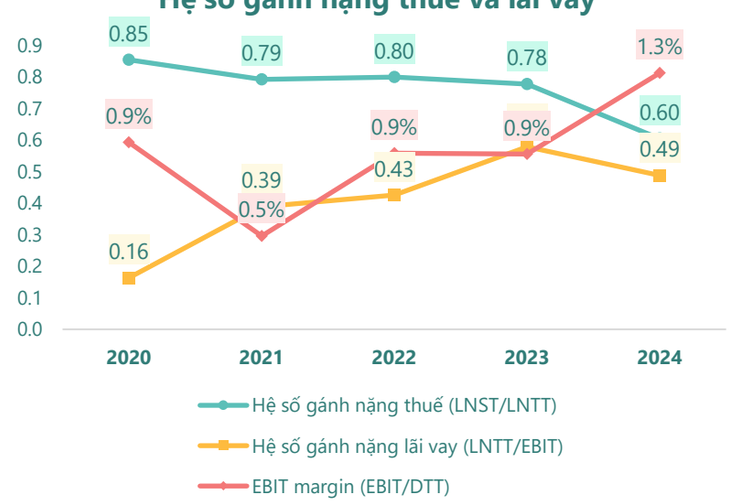
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



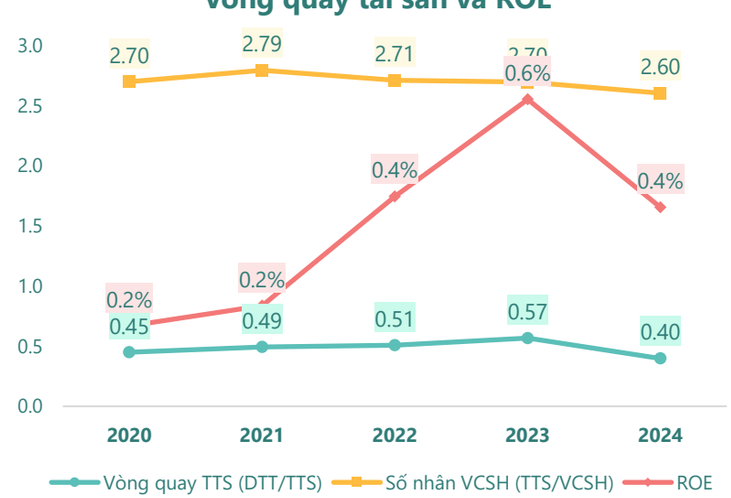
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



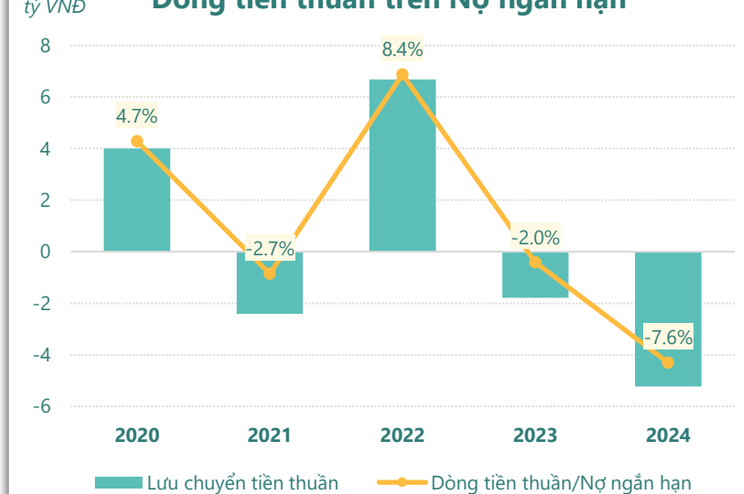
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.27**	**13.5**	**-83.2%**	**15.3**	**48.8**	**-68.8%**
Giá vốn hàng bán	1.52	9.75	-84.4%	12.5	40.5	-69.0%
Lợi nhuận gộp	0.75	3.79	-80.1%	2.72	8.38	-67.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-31.6%
Chi phí TC	0.09	0.07	31.5%	0.21	0.30	-30.6%
Chi phí lãi vay	0.09	0.07	31.5%	0.21	0.30	-30.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.61**	**3.75**	**-83.7%**	**2.29**	**8.28**	**-72.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.05	-0.02	359%	0.23	-0.19	217%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.12**	**-100%**	**0.00**	**0.43**	**-100%**
LN trước thuế	0.05	0.09	-42.7%	0.22	0.24	-4.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.03**	**0.02**	**30.6%**	**0.13**	**0.10**	**32.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.03**	**0.02**	**30.6%**	**0.13**	**0.10**	**32.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.95	-1.32	2.59	3.79	-3.11	1.21
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.85	0.16	0	-4.24	-0.66	-0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.39	0.58	-1.83	-0.99	3.85	-0.51
Tiền đầu kỳ	3.90	3.32	2.74	3.51	2.07	2.15
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.58**	**-0.58**	**0.77**	**-1.44**	**0.08**	**0.60**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.32	2.74	3.51	2.07	2.15	2.75

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**128**	**128**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	74.4	79.0	-5.8%
Tiền và tương đương tiền	2.75	3.51	-21.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	57.1	56.8	0.6%
Hàng tồn kho	13.6	17.8	-23.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	0.87	4.4%
Tài sản dài hạn	**53.5**	**48.7**	**10.0%**
Phải thu dài hạn	1.11	0.04	2615%
Tài sản cố định	10.4	7.06	47.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.8	37.3	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.18	4.18	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.03**	**0.10**	**-71.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	74.6	74.4	0.2%
Nợ ngắn hạn	**67.6**	**69.0**	**-2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.51	1.74	44.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.9	28.2	-8.0%
Nợ dài hạn	7.03	5.45	29.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.33	3.75	42.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**53.3**	**53.2**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**53.3**	**53.2**	**0.3%**
Vốn điều lệ	41.0	41.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)